ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ 4: GÓC NHÌN TỪ NGHIÊN CỨU ĐỊNH TÍNH TẠI HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Bùi Thị Lan Anh; Hoàng Thị Thu Hằng; Nguyễn Thị Tuyết Trinh; Nguyễn Thị Ngọc Tú; Đỗ Thị Thanh Xuân
Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam
Email: lanem79vatm@gmail.com

Tóm tắt: *Bài viết nhằm phân tích cách tiếp cận, mục đích sử dụng và những vấn đề đặt ra trong quá trình ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào học tập của sinh viên năm thứ 4 tại Học viện Y Dược học Cổ truyền Việt Nam. Dữ liệu được khai thác từ khảo sát trên 310 sinh viên thuộc các ngành Y học cổ truyền, Y khoa và Dược học, tập trung vào mức độ sử dụng AI, mục đích sử dụng, thiết bị truy cập, mức độ hiểu biết, nhận thức – chấp nhận AI, rào cản và nhu cầu đào tạo. Kết quả cho thấy AI đã trở thành công cụ hỗ trợ học tập tương đối quen thuộc đối với sinh viên; chỉ 1,0% sinh viên chưa từng sử dụng AI, trong khi 42,6% sử dụng thường xuyên từ 1–3 giờ/tuần và 13,9% sử dụng hằng ngày. Sinh viên chủ yếu sử dụng AI để tìm kiếm thông tin chuyên ngành, giải thích thuật ngữ y học, tóm tắt tài liệu, dịch thuật, tạo câu hỏi ôn tập và hỗ trợ tự học. Tuy nhiên, việc ứng dụng AI hiện vẫn tập trung nhiều vào các nhiệm vụ học tập cơ bản, trong khi các hoạt động đòi hỏi tư duy chuyên sâu như mô phỏng lâm sàng, phân tích học thuật và nghiên cứu khoa học chưa được khai thác rõ nét. Kết quả cũng cho thấy tồn tại khoảng cách giữa việc biết sử dụng AI và làm chủ AI trong học tập, thể hiện qua mức độ tự tin và hiểu biết AI của sinh viên chủ yếu ở mức trung bình. Bài viết nhấn mạnh nhu cầu tăng cường đào tạo năng lực AI học thuật, hướng dẫn sử dụng AI an toàn, có trách nhiệm, đồng thời lồng ghép AI vào chương trình đào tạo nhằm giúp sinh viên khai thác hiệu quả công nghệ này trong học tập và phát triển năng lực nghề nghiệp.*

Từ khóa: *trí tuệ nhân tạo; AI trong học tập; sinh viên năm thứ 4; năng lực AI; giáo dục y dược; Học viện Y Dược học Cổ truyền Việt Nam.*

APPLICATION OF ARTIFICIAL INTELLIGENCE IN THE LEARNING OF FOURTH-YEAR STUDENTS: INSIGHTS FROM A QUALITATIVE STUDY AT VIETNAM UNIVERSITY OF TRADITIONAL MEDICINE

Abstract: *This article aims to analyze the current status of access, purposes of use and emerging issues in the application of artificial intelligence (AI) to learning among fourth-year students at Vietnam University of Traditional Medicine. Data were drawn from a survey of 310 students majoring in Traditional Medicine, General Medicine and Pharmacy, focusing on AI use, purposes of use, access devices, AI literacy, AI acceptance, barriers and training needs. The findings show that AI has become a relatively familiar learning support tool among students. Only 1.0% of students had never used AI, while 42.6% used it regularly for 1–3 hours per week and 13.9% used it daily. Students mainly used AI to search for specialized information, explain medical terminology, summarize learning materials, translate academic documents, generate review questions and support self-study. However, AI application was still mainly concentrated on basic learning tasks, whereas more advanced activities such as clinical simulation, academic analysis and scientific research were less clearly utilized. The findings also reveal a gap between using AI and mastering AI in learning, as students' confidence and understanding of AI remained mostly at an average level. The article highlights the need to strengthen academic AI literacy, provide guidance on safe and responsible AI use, and integrate AI-related content into the curriculum. These efforts may help students use AI more effectively in learning and better prepare for professional development in the context of digital transformation in medical and pharmaceutical education*

Keywords*: artificial intelligence; AI in learning; fourth-year students; AI literacy; medical and pharmaceutical education; Vietnam University of Traditional Medicine.*

Nhận bài: 20/05/2026 *Phản biện: 22/06/2026* *Duyệt đăng: 25/06/2026*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trí tuệ nhân tạo (AI) đang làm thay đổi nhanh chóng cách người học tiếp cận, xử lý và tái cấu trúc tri thức. Trong giáo dục đại học, sự xuất hiện của các công cụ AI tạo sinh như ChatGPT, Gemini, Microsoft Copilot, Perplexity hay NotebookLM đã mở rộng khả năng tự học của sinh viên. Người học có thể đặt câu hỏi, yêu cầu giải thích khái niệm khó, tóm tắt văn bản, dịch tài liệu, tạo dàn ý, kiểm tra kiến thức hoặc tham khảo các hướng tiếp cận khác nhau cho một vấn đề học thuật. Sự thay đổi này khiến AI không còn là một công cụ kỹ thuật xa lạ mà ngày càng trở thành một phần của môi trường học tập thường ngày.

Trong đào tạo y dược, nhu cầu sử dụng AI càng trở nên rõ nét do đặc thù khối lượng kiến thức lớn, thuật ngữ chuyên ngành phức tạp, yêu cầu cập nhật tài liệu liên tục và sự gắn kết giữa lý thuyết với thực hành. Sinh viên năm thứ 4 thường đã trải

qua giai đoạn học nền tảng, bắt đầu tiếp cận sâu hơn với kiến thức chuyên ngành, thực hành, lâm sàng, dược học, bệnh học hoặc các nội dung liên quan đến y học cổ truyền. Vì vậy, việc sử dụng AI trong nhóm sinh viên này không chỉ phản ánh nhu cầu học nhanh hơn mà còn cho thấy cách người học tìm kiếm sự hỗ trợ khi đối diện với khối lượng tri thức ngày càng lớn.

Tuy nhiên, AI trong học tập không chỉ mang lại thuận lợi. Các câu trả lời do AI tạo ra có thể thiếu chính xác, chưa có nguồn kiểm chứng, diễn giải quá đơn giản hoặc không phù hợp với bối cảnh chuyên môn y dược. Nếu sinh viên sử dụng AI như một nguồn kiến thức thay thế hoàn toàn cho giáo trình, bài giảng hoặc tài liệu khoa học, nguy cơ hiểu sai vấn đề chuyên môn có thể xảy ra. Ngoài ra, việc sử dụng AI trong viết bài, làm báo cáo hoặc chuẩn bị tiểu luận cũng đặt ra vấn đề về đạo văn, liêm chính học thuật và ranh giới giữa hỗ trợ học tập với làm thay nhiệm vụ học tập.

Dữ liệu khảo sát tại Học viện Y Dược học Cổ truyền Việt Nam cho thấy AI đã được sinh viên tiếp cận khá rộng rãi, chỉ một tỷ lệ rất nhỏ chưa từng sử dụng, trong khi nhiều sinh viên sử dụng AI ở mức thường xuyên hoặc hằng ngày. Mặc dù vậy, mức độ tự tin khi sử dụng AI chủ yếu tập trung ở mức trung bình. Điều này gợi mở một vấn đề quan trọng: sinh viên có thể đã biết đến và sử dụng AI, nhưng chưa chắc đã có đủ năng lực để làm chủ AI trong học tập chuyên sâu.

Từ bối cảnh trên, bài viết này tập trung phân tích các mẫu hình ý nghĩa trong hành vi ứng dụng AI vào học tập của sinh viên năm thứ 4 tại Học viện Y Dược học Cổ truyền Việt Nam. Trọng tâm của bài viết không chỉ dừng ở việc mô tả tỷ lệ sử dụng, mà hướng đến diễn giải bản chất của hiện tượng: sinh viên dùng AI để làm gì, mức độ làm chủ công cụ ra sao, đâu là khoảng cách giữa chấp nhận công nghệ và năng lực học thuật, đồng thời nhà trường cần định hướng như thế nào để AI trở thành công cụ hỗ trợ học tập an toàn, hiệu quả và có trách nhiệm.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích định tính theo chủ đề để làm rõ ý nghĩa giáo dục của kết quả khảo sát về ứng dụng AI trong học tập của sinh viên năm thứ 4 các ngành Y học cổ truyền, Y khoa và Dược học tại Học viện Y Dược học Cổ truyền Việt Nam. Dữ liệu gồm 310 phiếu khảo sát hợp lệ, phản ánh tình trạng sử dụng AI, mục đích sử dụng, nhận thức, thái độ, rào cản và nhu cầu đào tạo.

Các kết quả được nhóm thành các chủ đề chính như: AI là công cụ học tập thường ngày; khoảng cách giữa sử dụng và làm chủ AI; xu hướng học tập trên thiết bị di động; mục đích sử dụng AI; sự chấp nhận AI gắn với yêu cầu kiểm chứng thông tin; và nhu cầu đào tạo AI an toàn, có trách nhiệm. Quy trình phân tích gồm ba bước: xác định các biểu hiện nổi bật, so sánh các nhóm kết quả liên quan và tổng hợp thành các chủ đề diễn giải nhằm rút ra hàm ý cho đào tạo và phát triển năng lực AI học thuật. Toàn bộ dữ liệu được sử dụng ở dạng tổng hợp, bảo đảm tính bảo mật và chỉ phục vụ nghiên cứu khoa học.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. AI trở thành công cụ hỗ trợ học tập thường ngày nhưng mức độ làm chủ còn hạn chế

Kết quả khảo sát cho thấy AI đã được sử dụng phổ biến trong học tập của sinh viên năm thứ 4. Chỉ 1,0% sinh viên chưa từng sử dụng AI, trong khi 42,6% sử dụng thường xuyên và 13,9% sử dụng hằng ngày. Điều này cho thấy AI đã trở thành công cụ hỗ trợ quen thuộc trong tự học, tra cứu và xử lý tài liệu.

Tuy nhiên, mức độ tự tin khi sử dụng AI chủ yếu ở mức trung bình (59,0%), trong khi chỉ 7,7% sinh viên tự đánh giá có mức tự tin cao. Điều này phản ánh khoảng cách giữa việc tiếp cận và làm chủ AI. Sinh viên có thể sử dụng AI thường xuyên nhưng chưa thành thạo trong đặt câu hỏi, kiểm chứng thông tin và ứng dụng AI vào các nhiệm vụ học thuật phức tạp.

AI hiện được sử dụng như một "trợ lý học tập tức thời", hỗ trợ giải thích thuật ngữ và nội dung khó, giúp sinh viên tiếp cận kiến thức nhanh hơn. Tuy nhiên, nếu chỉ phụ thuộc vào câu trả lời của AI mà thiếu kiểm chứng và tư duy phản biện, hiệu quả học tập có thể bị hạn chế. Vì vậy, điều quan trọng không phải là có sử dụng AI hay không, mà là sử dụng AI đúng cách và theo chuẩn mực học thuật.

3.2. Học tập qua thiết bị di động định hình cách sinh viên tiếp cận AI

Điện thoại thông minh là thiết bị truy cập AI phổ biến nhất (92,3%), tiếp theo là máy tính xách tay (48,7%). Điều này phản ánh xu hướng học tập

di động, giúp sinh viên dễ dàng tra cứu và xử lý thông tin mọi lúc, mọi nơi.

Tuy nhiên, việc sử dụng AI trên điện thoại chủ yếu phù hợp với các tác vụ ngắn như giải thích thuật ngữ, tóm tắt tài liệu hay tìm ý chính. Những nhiệm vụ học thuật chuyên sâu như đọc tài liệu khoa học, viết báo cáo hoặc phân tích dữ liệu vẫn cần máy tính để hỗ trợ hiệu quả hơn.

Kết quả cho thấy AI đang thúc đẩy học tập linh hoạt nhưng cũng có nguy cơ khiến việc tiếp nhận kiến thức trở nên rời rạc. Vì vậy, trong đào tạo y dược, cần hướng dẫn sinh viên sử dụng AI theo hướng xây dựng hệ thống tri thức, biết so sánh, kiểm chứng thông tin và khai thác AI như công cụ hỗ trợ học tập chuyên sâu, thay vì chỉ tìm câu trả lời nhanh.

3.3. Mục đích sử dụng AI tập trung vào hiểu bài, tra cứu và tự học

Mục đích sử dụng AI phổ biến nhất của sinh viên là tìm kiếm kiến thức chuyên ngành (44,8% sử dụng thường xuyên), tiếp theo là giải thích thuật ngữ, bệnh học và phác đồ điều trị (39,7%). AI cũng được sử dụng để tóm tắt bài giảng, dịch tài liệu và hỗ trợ ôn tập, cho thấy công cụ này đáp ứng tốt nhu cầu học tập của sinh viên năm thứ 4.

AI giúp sinh viên tiếp cận nhanh hơn với kiến thức chuyên ngành, đơn giản hóa nội dung phức tạp và hỗ trợ hệ thống hóa thông tin. Tuy nhiên, các nhiệm vụ học thuật chuyên sâu như viết báo cáo, tiểu luận hay hỗ trợ mô phỏng lâm sàng có tỷ lệ sử dụng thấp hơn (31,6–34,5%), phản ánh sự thận trọng của sinh viên hoặc việc chưa được hướng dẫn khai thác AI hiệu quả trong các hoạt động này.

Từ góc nhìn định tính, AI hiện chủ yếu đóng vai trò hỗ trợ giải thích và hiểu bài. Để phát huy giá trị trong đào tạo y dược, sinh viên cần được hướng dẫn sử dụng AI cho các hoạt động tư duy bậc cao như phản biện, so sánh nguồn, mô phỏng tình huống và tự đánh giá, thay vì chỉ hỗ trợ học nhanh.

3.4. Nhận thức tích cực về AI đi kèm với hiểu biết nền tảng ở mức trung bình

Các biến về nhận thức và chấp nhận AI đều có giá trị trung bình tương đối tích cực. Nhận thức về tính hữu ích đạt 3,47; nhận thức về tính dễ sử dụng đạt 3,45; thái độ đối với AI đạt 3,46; ý định sử dụng đạt 3,48. Trong khi đó, mức độ hiểu biết về AI đạt 3,03, thấp hơn các biến còn lại và nằm ở ngưỡng trung bình. Mẫu hình này cho thấy sinh viên nhìn chung đánh giá AI là hữu ích, dễ tiếp cận và có xu hướng muốn tiếp tục sử dụng, nhưng hiểu biết nền tảng về AI chưa tương xứng với mức độ chấp nhận.

Đây là một phát hiện quan trọng. Trong bối cảnh các công cụ AI ngày càng dễ dùng, người học không cần hiểu sâu về thuật toán vẫn có thể sử dụng công cụ. Giao diện hội thoại tự nhiên khiến AI trở nên thân thiện và làm giảm rào cản kỹ thuật ban đầu. Tuy nhiên, chính sự dễ sử dụng này cũng có thể khiến sinh viên đánh giá thấp những rủi ro liên quan đến độ chính xác, thiên kiến dữ liệu, trích dẫn sai, thông tin bịa đặt hoặc diễn giải thiếu bối cảnh chuyên môn.

Có thể diễn giải rằng sinh viên đang ở trạng thái "chấp nhận cao hơn hiểu biết". Trạng thái này không nhất thiết tiêu cực, vì thái độ tích cực là điều kiện thuận lợi để triển khai đào tạo AI. Tuy nhiên, nếu không được bổ sung năng lực nền tảng, việc chấp nhận AI có thể dẫn đến sử dụng tự phát, sử dụng theo thói quen hoặc sử dụng quá tin tưởng vào câu trả lời do công cụ tạo ra. Trong học tập y dược, sinh viên cần hiểu rằng AI có thể hỗ trợ học tập, nhưng không thay thế được giáo trình, giảng viên, tài liệu khoa học và tư duy chuyên môn.

Kết quả hồi quy trong báo cáo cũng củng cố nhận định này: nhận thức và chấp nhận AI là yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất đến mức độ ứng dụng AI, tiếp theo là hiểu biết về AI. Điều đó cho thấy muốn thúc đẩy sử dụng AI hiệu quả, nhà trường không chỉ cần cung cấp kỹ năng thao tác mà còn phải xây dựng nhận thức đúng về vai trò của AI. Sinh viên cần được định hướng rằng AI là công cụ hỗ trợ tư duy, không phải công cụ thay thế tư duy; là nguồn gợi ý ban đầu, không phải kết luận học thuật cuối cùng.

3.5. Rào cản sử dụng AI chuyển từ vấn đề tiếp cận sang vấn đề định hướng

Rào cản sử dụng AI có giá trị trung bình 3,28, cho thấy sinh viên vẫn ghi nhận những khó khăn nhất định. Các rào cản có thể liên quan đến thiết bị, hạ tầng mạng, chi phí, kỹ năng sử dụng, tài nguyên học liệu, hướng dẫn từ giảng viên, pháp lý hoặc đạo văn. Tuy nhiên, trong mô hình hồi quy, rào cản sử dụng AI không có ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê đến mức độ ứng dụng AI. Điều này có thể hiểu rằng các rào cản hiện có chưa đủ mạnh để ngăn sinh viên sử dụng AI.

Kết quả này phù hợp với thực tế sinh viên hiện nay đã quen với môi trường số. Điện thoại thông minh phổ biến, internet tương đối dễ tiếp cận, nhiều công cụ AI có phiên bản miễn phí và người học có khả năng tự tìm hiểu qua mạng xã hội hoặc bạn bè. Vì vậy, rào cản kỹ thuật truyền thống không còn là yếu tố quyết định. Sinh viên vẫn sử dụng AI dù chưa được tập huấn chính thức và dù còn băn khoăn về độ chính xác hoặc cách sử dụng đúng.

Tuy nhiên, không nên hiểu rằng rào cản không quan trọng. Điều đáng chú ý là bản chất rào cản đã chuyển dịch. Vấn đề không chỉ là có thiết bị hay có internet, mà là có hướng dẫn đúng hay không; không chỉ là biết mở công cụ, mà là biết kiểm chứng thông tin; không chỉ là sử dụng được, mà là sử dụng có trách nhiệm. Nói cách khác, rào cản nổi bật trong giai đoạn hiện nay là rào cản về năng lực học thuật, đạo đức và quản trị rủi ro.

Đối với sinh viên y dược, các rào cản này cần được xem xét nghiêm túc. Nếu sinh viên dùng AI để giải thích thuật ngữ hoặc tóm tắt tài liệu, sai lệch có thể được phát hiện khi đối chiếu với bài giảng. Nhưng nếu dùng AI để hiểu cơ chế bệnh học, phác đồ điều trị, dược lý hoặc tình huống lâm sàng mà không kiểm chứng, nguy cơ hình thành hiểu biết sai sẽ cao hơn. Vì vậy, thay vì chỉ khuyến khích hoặc cấm đoán, nhà trường cần xây dựng hướng dẫn cụ thể về phạm vi sử dụng AI, cách kiểm tra thông tin, cách ghi nhận hỗ trợ của AI và cách bảo vệ dữ liệu trong học tập.

3.6. Nhu cầu đào tạo AI thể hiện mong muốn học bài bản và an toàn hơn

Nhu cầu đào tạo AI của sinh viên được ghi nhận ở mức khá đồng đều, với giá trị trung bình các nội dung dao động từ 3,44 đến 3,53. Nội dung có điểm cao nhất là đào tạo kỹ năng an toàn và bảo mật dữ liệu khi sử dụng AI (Mean = 3,53). Các nội dung như đào tạo cách sử dụng công cụ AI trong học tập, ứng dụng AI trong mô phỏng ca bệnh, mô phỏng học tập, bệnh nhân ảo và ứng dụng VR/AR cũng được đánh giá tương đối cao.

Điều này cho thấy sinh viên không chỉ quan tâm đến việc dùng AI cho nhanh, mà còn quan tâm đến cách dùng an toàn và phù hợp. Trong bối cảnh y dược, dữ liệu cá nhân, tình huống lâm sàng, thông tin bệnh nhân giả định hoặc thật, bài tập chuyên môn và nội dung học thuật đều cần được xử lý cẩn trọng. Việc sinh viên quan tâm đến bảo mật dữ liệu là tín hiệu tích cực, phản ánh nhận thức ban đầu về trách nhiệm nghề nghiệp trong môi trường số.

Nhu cầu đào tạo cũng cho thấy sinh viên mong muốn chuyển từ sử dụng tự phát sang sử dụng có định hướng. Những nội dung đào tạo cần thiết không nên chỉ dừng ở giới thiệu công cụ AI phổ biến. Chương trình tập huấn nên bao gồm cách đặt câu hỏi hiệu quả, cách yêu cầu AI giải thích theo cấp độ học tập, cách kiểm tra nguồn, cách phát hiện câu trả lời thiếu chính xác, cách sử dụng AI trong đọc tài liệu tiếng Anh, cách tạo câu hỏi tự ôn tập, cách hỗ trợ viết học thuật mà không vi phạm liêm chính, và cách bảo vệ dữ liệu cá nhân.

3.7. Mức độ ứng dụng AI tương đối đồng đều giữa các nhóm sinh viên

Kết quả phân tích cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ ứng dụng AI theo giới tính ($p = 0,808$), ngành học ($p = 0,322$) và tình trạng tham gia tập huấn AI ($p = 0,736$). Điều này cho thấy AI đã được sử dụng tương đối đồng đều giữa các nhóm sinh viên năm thứ 4.

Việc không có khác biệt theo giới tính và ngành học phản ánh AI đã trở thành công cụ học tập phổ biến, đáp ứng nhu cầu chung như tra cứu, tóm tắt, dịch thuật và hỗ trợ tự học. Kết quả cũng cho thấy sinh viên có thể tự tiếp cận AI ngay cả khi chưa được đào tạo chính thức.

Từ đó, các hoạt động hướng dẫn sử dụng AI cần được triển khai cho toàn bộ sinh viên, kết hợp xây dựng khung năng lực AI học thuật cơ bản gồm: hiểu biết về AI, kỹ năng tự học, kiểm chứng thông tin, đạo đức học thuật, bảo mật dữ liệu và ứng dụng AI trong nghiên cứu khoa học.

IV. BÀN LUẬN

Kết quả cho thấy việc ứng dụng AI trong học tập của sinh viên năm thứ 4 phản ánh sự thay đổi trong cách tổ chức tự học. AI hỗ trợ hiệu quả trong tra cứu kiến thức, giải thích thuật ngữ, tóm tắt tài liệu và xử lý thông tin chuyên ngành, đặc biệt phù hợp với đặc thù đào tạo y dược.

Tuy nhiên, hiệu quả không phụ thuộc vào tần suất sử dụng mà ở chất lượng sử dụng. Sinh viên cần có năng lực AI học thuật, bao gồm kỹ năng sử dụng, tư duy phản biện, khả năng kiểm chứng thông tin và ý thức đạo đức học thuật. Mặc dù đánh giá AI hữu ích và dễ sử dụng, hiểu biết nền tảng của sinh viên vẫn chỉ ở mức trung bình, cho thấy cần tăng cường đào tạo chính quy về AI.

Kết quả cũng cho thấy rào cản sử dụng AI không ảnh hưởng đáng kể đến hành vi sử dụng. Sinh viên vẫn sử dụng AI dù còn lo ngại về độ chính xác và đạo đức, vì vậy nhà trường cần chuyển từ cách tiếp cận hạn chế sang phát triển năng lực sử dụng AI có kiểm soát.

Từ đó, nghiên cứu đề xuất ba hướng triển khai: (1) ban hành hướng dẫn sử dụng AI trong học tập và đánh giá; (2) tổ chức các khóa bồi dưỡng về kỹ năng sử dụng, kiểm chứng thông tin và bảo mật dữ liệu; (3) hỗ trợ giảng viên tích hợp AI vào giảng dạy theo hướng phát triển năng lực thay vì chỉ sử dụng như một công cụ.

V. KẾT LUẬN

Bài viết cho thấy AI đã trở thành công cụ học tập phổ biến của sinh viên năm thứ 4 tại Học viện Y Dược học Cổ truyền Việt Nam, chủ yếu được sử dụng để tra cứu thông tin, giải thích thuật ngữ, tóm tắt tài liệu, dịch thuật và hỗ trợ tự học. Việc sử dụng AI gắn với thiết bị di động, phản ánh xu hướng học tập linh hoạt trong bối cảnh chuyển đổi số.

Tuy nhiên, sinh viên vẫn chủ yếu biết sử dụng hơn là làm chủ AI. Mức độ tự tin và hiểu biết về AI còn ở mức trung bình, trong khi thái độ và ý định sử dụng khá tích cực. Điều này cho thấy cần tăng cường đào tạo năng lực AI học thuật, bao gồm kỹ năng kiểm chứng thông tin, bảo đảm liêm chính học thuật và bảo mật dữ liệu.

Nghiên cứu cũng cho thấy mức độ ứng dụng AI không khác biệt theo giới tính, ngành học hay tình trạng tập huấn, vì vậy các chương trình hướng dẫn nên được triển khai rộng rãi cho toàn bộ sinh viên. Trong tương lai, cần mở rộng nghiên cứu sang các năm học và cơ sở đào tạo khác nhằm hoàn thiện cơ sở khoa học cho việc tích hợp AI vào giáo dục y dược.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Thủ tướng Chính phủ. Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021 ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030. Hà Nội; 2021.

Bộ Y tế. Quyết định số 4888/QĐ-BYT ngày 18/10/2019 phê duyệt Đề án ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin y tế thông minh giai đoạn 2019-2025. Hà Nội; 2019.

Davis FD. Perceived usefulness, perceived ease of use, and user acceptance of information technology. MIS Quarterly. 1989;13(3):319-340. doi:10.2307/249008.

Masters K. Artificial intelligence in medical education. Medical Teacher. 2019;41(9):976-980. doi:10.1080/0142159X.2019.1595557.

Paranjape K, Schinkel M, Nannan Panday R, Car J, Nanayakkara P. Introducing artificial intelligence training in medical education. JMIR Medical Education. 2019;5(2):e16048. doi:10.2196/16048.

Sallam M. ChatGPT utility in healthcare education, research, and practice: systematic review on the promising perspectives and valid concerns. Healthcare. 2023;11(6):887. doi:10.3390/healthcare11060887.

Kasneci E, Sessler K, Küchemann S, Bannert M, Dementieva D, Fischer F, et al. ChatGPT for good? On opportunities and challenges of large language models for education. Learning and Individual Differences. 2023;103:102274. doi:10.1016/j.lindif.2023.102274.

Cotton DRE, Cotton PA, Shipway JR. Chatting and cheating: ensuring academic integrity in the era of ChatGPT. Innovations in Education and Teaching International. 2024;61(2):228-239. doi:10.1080/14703297.2023.2190148.

World Health Organization. Ethics and governance of artificial intelligence for health: WHO guidance. Geneva: World Health Organization; 2021.